

XÂY DỰNG HỆ THUẬT NGỮ THÔNG TIN THƯ VIỆN, GÓP PHẦN HOÀN THIỆN NGŢ NGŢ KHOA HOC TIẾNG VIỆT

PGS. TS **VƯƠNG TOÀN**
Viện Thông tin Khoa học Xã hội

1. Mở đầu

Sự xuất hiện các công cụ điện tử trong xã hội thông tin đã dẫn đến những thay đổi rất cơ bản trong thư viện, lĩnh vực có bề dày lịch sử nhưng vốn chỉ hoạt động nặng theo truyền thống. Và từ mấy thập niên trở lại đây, nó đã kéo theo những thay đổi trong cơ cấu tổ chức và nội dung đào tạo của ngành học này.

Các kỹ thuật mới cho phép xác định các nguồn tài nguyên thông tin tiềm năng, trong đó nhiều quá trình mới xuất hiện cho phép tìm kiếm các nguồn tin điện tử nói chung và các nguồn tin trên mạng nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lưu trữ và tìm kiếm thông tin, và đã mở ra những triển vọng chưa từng thấy cho hoạt động thông tin - thư viện.

Hiện nay, mạng tài liệu tra cứu trực tuyến xuất hiện với một khối lượng lớn: từ điển nói chung và từ điển chuyên ngành bằng nhiều thứ tiếng, giáo trình đi kèm các tài liệu phân tích các dữ liệu khoa học và các tài liệu đa dạng tập hợp “những vấn đề được quan tâm nhiều nhất”. Bạn đọc không nhất thiết cứ phải bước chân đến thư viện như trước.

Trong bài “Nguồn tin và các địa chỉ về khoa học xã hội trên Internet: hướng dẫn người sử dụng”¹. CRAIG

¹ *Các khoa học xã hội trên thế giới* (Chu Tiến Ánh - Vương Toàn dịch). H., Nxb ĐHQG Hà Nội, 2007, tr. 443-456.

McKIE nhận xét rằng từ nhiều năm trở lại đây, chúng ta đã chứng kiến nhiều thay đổi lớn trong cách tiến hành các công trình nghiên cứu, đến mức mà “nền kinh tế dựa trên thông tin” phát triển hơn cả nền kinh tế công nghiệp đã có nhiều thành công trước đó. Việc phát triển rộng rãi các công cụ nghiên cứu điện tử, đặc biệt là World Wide Web (web) đã tạo ra một số thay đổi sau:

1. Thay đổi trong cách phổ biến, lưu trữ, tìm kiếm, trích thông tin và trong những bài học rút ra từ những thông tin này. ...
2. Thay đổi trong bản chất thông tin liên quan đến khoa học xã hội (các thể loại mới, cách sử dụng mới) và khả năng tiếp cận với các thông tin này dễ dàng hơn nhiều.
3. Thay đổi trong cách cung cấp các dữ liệu của các cơ quan chức trách cho nhà nghiên cứu ...
4. Thay đổi trong cách kiểm soát thông tin của các nhà chức trách...
5. Thay đổi trong cách trao đổi giao tiếp giữa các thành viên trong một nhóm nghiên cứu.

Dù quan niệm và thực tiễn có thể còn khác nhau về nhận thức và cách làm, nhưng đâu đâu ta cũng thấy nói đến *kết hợp thư viện truyền thống với thư viện hiện đại*, và *ứng dụng công nghệ thông tin vào hiện đại hoá thư viện*...

Các nhà chuyên môn nay thường nói đến *tin học hoá thư viện*, đến xây dựng *thư viện số*, *thư viện điện tử*, *địa chỉ điện tử*, *báo/tạp chí điện tử*, nhưng các thuật ngữ được dùng dường như chỉ là sao phỏng từ nước ngoài (thường là tiếng Anh). Còn thiếu những định nghĩa

thống nhất cho nội dung thuật ngữ bằng tiếng Việt. ...

Chẳng vậy mà cách đây chưa lâu, “Việt Nam ta có *thư viện số* hay chưa” đã trở thành chủ đề được bàn luận khá hứng thú trong nhóm thuvientre@googlegroups.com, sau khi tờ *Tia sáng* cho công bố bài *Cấp thiết xây dựng thư viện số* của Đào Tiến Khoa

(<http://www.tiasang.com.vn/news?id=1488>), theo đó “có một nhu cầu hết sức thiết thân đối với các nhà khoa học đó là cần sớm có một Thư viện số (Digital Library) cho cộng đồng khoa học nước nhà”, mà không giải thích cách tác giả hiểu thế nào là *thư viện số*. Do vậy, Lê Thùy Dương cho rằng cuộc tranh luận nên quay trở lại vấn đề căn bản nhất, đó là khái niệm *Digital Library* mà chúng ta vẫn dịch là *Thư viện số*, trong khi *library không phải lúc nào cũng là thư viện* (hiểu theo nghĩa thư viện là nơi chúng ta đang làm việc), do vậy mà theo anh, *digital library* cũng có những cách hiểu khác nhau. Đúng là cho đến nay, ngành *thông tin - thư viện* chúng ta vẫn chưa có một cuốn từ điển thuật ngữ mà bảng từ xuất phát bằng tiếng Việt, xác định rõ từng khái niệm được sử dụng - chứ không phải chỉ là sao phỏng bằng cách “tạm” dịch từ một thứ tiếng nước ngoài nào đó, mà ngược lại, chúng cần được đối chiếu với các ngoại ngữ phổ biến trên thế giới - để đi tới một cách hiểu thống nhất trong ngành, trước cuộc hội nhập để phát triển.

Do vậy, xây dựng hệ thuật ngữ cho ngôn ngữ khoa học của ngành *thông tin - thư viện* là một trong những việc cần được quan tâm, và trong bài này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến những khía cạnh ngôn ngữ học của công việc này.

2. Ngôn ngữ khoa học và việc xây dựng hệ thuật ngữ thông tin – thư viện

Ngôn ngữ khoa học được phân biệt với ngôn ngữ chung rõ nhất ở vốn từ vựng, đó là hệ thuật ngữ khoa học, và ở phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong lập luận khoa học. Bất cứ ngành khoa học nào cũng cần phải có một tập hợp từ ngữ được xác định một cách nghiêm ngặt, dùng để biểu thị các sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm, trong ngành đó. Lớp từ vựng bao gồm những đơn vị như vậy được gọi là hệ thuật ngữ của mỗi ngành khoa học.

Các nhà ngôn ngữ học xác định thuật ngữ là "những từ chuyên môn có nghĩa đặc biệt; những từ cố gắng chỉ có một nghĩa với tính cách biểu hiện chính xác các khái niệm và tên gọi các sự vật" (A. Reformstskij). Thuật ngữ khác từ thông thường ở chỗ nó "có ý nghĩa biểu vật trùng hoàn toàn với sự vật, hiện tượng... có thực trong thực tế đối tượng của ngành kỹ thuật và ngành khoa học tương ứng". và có ý nghĩa biểu niệm là "khái niệm về các sự vật hiện tượng này đúng như chúng tồn tại trong tư duy" (Đỗ Hữu Châu). Một thuật ngữ là do tính hệ thống của bản thân đối tượng và khái niệm như "một cái nhãn dán vào đối tượng này (cùng với khái niệm về chúng) tạo nên chính nội dung của nó. Tính hệ thống về mặt ngữ nghĩa của thuật ngữ là do tính hệ thống của bản thân đối tượng và khái niệm trong ngành khoa học và kỹ thuật đó quyết định².

² Xem: Vương Toàn.- *Ngôn ngữ khoa học và ngôn ngữ trong thông tin KHXH*. Tc. *Thông tin KHXH*, 1987. s.1, tr. 91-97.

Tính chất khoa học của thuật ngữ được thể hiện ở tính chính xác, tính hệ thống và tính quốc tế của nó.

Tính chính xác của thuật ngữ được thể hiện ở cả mặt ngữ nghĩa và hình thức. Do nó biểu thị đúng cái khái niệm (đúng hoặc sai) mà chúng gọi tên nên khi nghe, hoặc đọc thuật ngữ đó, ta chỉ hiểu và chỉ có khái niệm khoa học (đúng hay sai) ứng với nó mà thôi. Tính chính xác về ngữ nghĩa loại trừ hiện tượng đồng nghĩa, song tính một nghĩa của thuật ngữ cần được hiểu là trong một ngành khoa học, mỗi thuật ngữ chỉ nên có một nghĩa (biểu thị một sự vật và một khái niệm). Về hình thức, tính chính xác thể hiện ở chỗ: các hình vị hợp thành thuật ngữ phải phù hợp tối đa với khái niệm được biểu thị, không có những vị trí dư thừa để gây lầm lẫn dù sự hiện diện của hình vị này khiến cho thuật ngữ có vẻ như phù hợp với các quy luật chung trong cấu tạo ngôn ngữ hơn: các hình vị được biến đổi, phát triển phù hợp với sự phát triển của các khái niệm khoa học, kiểu cấu tạo thuật ngữ phải phù hợp với "tính trí tuệ" của các thuật ngữ. Do chính xác về mặt hình thức nên ta thấy thuật ngữ thường chặt chẽ và ngắn gọn. Về mặt lý thuyết thì thuật ngữ tối ưu là thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm để thực hiện cái nguyên tắc "mỗi khái niệm có một thuật ngữ và mỗi thuật ngữ chỉ có một khái niệm".

Song do quy luật tiết kiệm của ngôn ngữ, số lượng tên gọi ít hơn số lượng sự vật được gọi tên nên có những thuật ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng, đối tượng khác nhau (về bản chất hoặc mức độ rộng/hẹp) thuộc các ngành khoa học khác nhau. Ví dụ *ngôn ngữ tự nhiên* và *ngôn ngữ tìm tin*, *ngôn ngữ lập trình*, *lưu thông hàng hoá* và *lưu thông tài liệu*, *hồn ma* và *phiêu ma*, *tài nguyên thiên nhiên* và *tài nguyên*

thông tin, lớp *một, hai, ba* và tư liệu cấp *một, hai, ba,...*

Xét ở bình diện phong cách học thì về nguyên tắc, mọi từ ngữ khoa học đều mang màu sắc phong cách khoa học song, trong thực tế, không phải mọi thuật ngữ đều có màu sắc khoa học như nhau. Màu sắc này được thể hiện rõ ràng ở các thuật ngữ có phạm vi hẹp, ở đây là riêng trong khoa thông tin - thư viện như: *dịch vụ* (cung cấp thông tin), *phân cấp* theo cấu trúc và *phân cấp* theo ký hiệu, v.v... Người ngoài chuyên ngành có thể hiểu không hoàn toàn chính xác các khái niệm như: *thư viện ảo, kiểm soát thư tịch, phân tích chủ đề, khổ mẫu chuẩn, trường đảo, v.v...* nhất là khi chúng được sử dụng phổ biến ở dạng tắt, như: ISBD, ISBN, ISDS, ISSN,... Vì đây là những thuật ngữ biểu thị các khái niệm khoa học được xác định nên không thể sử dụng chúng tùy tiện, mà phải có sự cân nhắc, chọn thuật ngữ một cách thích hợp.

Đôi khi, sự phân biệt cũng chỉ mang tính tương đối, ví như cách phân loại thành thư viện *chuyên (đa) ngành / thư viện công cộng* (mà theo chúng tôi, nên gọi là thư viện *đại chúng*) vì chẳng lẽ thư viện *chuyên ngành* thì không còn là thư viện *công cộng* (Cf. Public library / Specialized and multi-sectoral libraries), dù xưa kia thư viện luôn được coi như là các thiết chế công cộng thì nay có thể được “tư nhân hóa”, hoặc được phép lấy các dịch vụ mà họ cung cấp làm một trong những nguồn thu nhập. Do vậy, ta càng thấy rất cần phải có những định nghĩa tiếng Việt để xác định cho rõ khái niệm.

Đôi khi ngay trong cùng một ngành khoa học, ở các nước khác nhau, các trường phái, thậm chí các tác giả khác nhau sử dụng những hệ thuật ngữ riêng để thể hiện rõ hơn quan điểm của

mình. Chúng tôi đã có dịp³ bàn đến các dạng tóm tắt văn bản, với nội dung có phần khác biệt – nên không hẳn đã có sự tương ứng về thuật ngữ giữa các ngôn ngữ. Chẳng hạn, tiếng Việt có: *tóm tắt, giới thiệu sách, điểm sách, lược thuật, bình thuật,...* (tạp chí *Thông tin khoa học xã hội* luôn có mục *Giới thiệu sách nhập về Thư viện...*); tiếng Pháp có *résumé, lecture (de livre); compte-rendu* (tạp chí *Bulletin de la Société de la Linguistique de Paris* ra mỗi năm 2 số thì số thứ 2 luôn dành điểm lại các công trình ngôn ngữ học trên thế giới mà Toà soạn tiếp cận được), *annotation* (trong các *bulletin signalétique*),...; tiếng Anh có: *summary, abstract, book review,...* (tạp chí *Vietnam Social Science* luôn có mục *Book review*); tiếng Nga có *referat* (Viện Thông tin KHXH Nga có bộ *referativnyi jurnal*) thường được dịch sang tiếng Việt là *lược thuật, obzor* thường dịch là *tổng thuật* hoặc *tổng quan...*

Người làm công tác khoa học không được phép lầm lẫn thuật ngữ với từ thông thường đồng âm. Trong văn bản khoa học, sự lầm lẫn chỉ xảy ra khi không nắm chắc khái niệm nên không phân biệt từ thông thường với thuật ngữ có màu sắc phong cách khoa học không thực rõ ràng. Đối với những thuật ngữ có phạm vi sử dụng được mở rộng, do ngành khoa học đó trực tiếp gắn với sinh hoạt hằng ngày của mọi thành viên trong xã hội thì màu sắc khoa học của chúng có phần mờ đi, nên khi dùng chúng trong văn bản khoa học càng phải thận trọng vì sự lầm lẫn tai hại rất

³ Vương Toàn.- *Thư đề xuất quy trình tự động tóm tắt văn bản khoa học*.
"Bản tin Thư viện - Công nghệ thông tin". Trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP Hồ Chí Minh, 3/2007, tr. 14-17.

để xảy ra do không hiểu chính xác khái niệm mà chúng biểu thị, nhất là ở trường hợp thuật ngữ có diện mạo ngữ âm không xa lạ với diện mạo ngữ âm từ Việt thông thường (Ví dụ: *mở* trong *kho mở, thư viện mở, ...* khác trong *kinh tế mở, đại học mở, ...*

Ai cũng hiểu không phải thư viện hiện đại chỉ cần có máy tính nối mạng, một vài CSDL được gọi là *tích hợp* nhưng mới chỉ gồm những dữ liệu được *tích* (từ nhiều nguồn) mà chưa *hợp* (vì chẳng hạn như các biểu ghi cho những tài liệu giống nhau, được *tích* vào những đợt khác nhau, vẫn nằm ở những vị trí khác nhau). Bên cạnh đó là một số CSDL được xây dựng bằng cách rút trích những tài liệu về một chủ đề nào đó, từ (những) CSDL có sẵn, rồi bổ sung thêm và cập nhật tư liệu... Và dù đã được nghiệm thu cẩn thận, song có lẽ do cảm thấy loại CSDL như vậy không đáp ứng được cho các nhà nghiên cứu bao nhiêu, hoặc còn lúng túng về về khâu “phí dịch vụ hợp lý”, nên CSDL làm ra vẫn tạm để đấy,...không được cập nhật thường xuyên nên không khỏi lạc hậu theo thời gian.

Cần hết sức tránh sử dụng tùy tiện thuật ngữ trong lập luận khoa học, tiến tới chuẩn hoá và thống nhất thuật ngữ khoa học trên mọi mặt (ngay cả cách phiên âm, chuyển tự) là rất cần thiết. Tình trạng còn những khác biệt hiện nay (thậm chí thiếu nhất quán ở ngay một tác giả) không phải không gây trở ngại cho việc hiểu thuật ngữ một cách chính xác.

Nhìn chung, tính chính xác đòi hỏi thuật ngữ phải thể hiện đúng nhất nội dung khoa học một cách rõ ràng. Trong hoạt động thông tin - thư viện, việc sử dụng thuật ngữ một cách chính xác tuyệt đối sẽ không làm người nhận

tin (nghe hoặc đọc) hiểu sai hoặc lẫn lộn từ khái niệm này sang khái niệm khác. Sự phù hợp giữa hình thức thuật ngữ và nội dung khái niệm là điều tất yếu cần thiết trong lập luận khoa học nhưng chớ nên hiểu điều này một cách máy móc, xem nó như một chân lý tuyệt đối, bởi vì cần phải thừa nhận rằng có một số trường hợp, hình thức ký hiệu ngôn ngữ không hoàn toàn phù hợp với nội dung khái niệm đúng như chân lý khách quan tuyệt đối.

Lại có trường hợp, lúc đầu có sự phù hợp, nhưng về sau, do con người hiểu biết thêm, nội dung khái niệm được thay đổi song hình thức ký hiệu ngôn ngữ thì vẫn thế. Và cũng không phải không có trường hợp mặt chủ quan của con người không thật phù hợp với mặt khách quan nội dung ý nghĩa của thuật ngữ vì “trong ký hiệu ngôn ngữ có mặt quy ước của xã hội, quy ước giữa người này với người khác” (Luu Văn Lãng).

Thuật ngữ phải chứa đựng nội dung thuần lí trí, không xen yếu tố chủ quan, cảm tính, do vậy nó tuyệt nhiên không mang sắc thái biểu cảm, là cái biểu thị sự đánh giá chủ quan.

Khoa thông tin – thư viện cũng gặp những vấn đề này, bởi vì nó có thể sử dụng các từ hàng ngày rồi gán cho chúng các nghĩa hàm chỉ và các định nghĩa chuyên ngành, những nghĩa này đôi khi lại khác nhau giữa các ngành học. Đó là chưa kể do khoa học phát triển, ngôn ngữ được dùng để truyền đạt thông tin chuyên ngành cũng luôn được bổ sung và có khi thay đổi.

Tuy phải đối mặt với các vấn đề tài chính và phải lựa chọn tài liệu bổ sung nhưng các thư viện truyền thống vẫn tiếp tục giữ vai trò là nguồn cung cấp thông tin rất phong phú cho nghiên cứu. Có điều là tài nguyên thông tin cần

bổ sung không còn chỉ là ấn phẩm trên giấy như trước. Không gian sử dụng để công bố nay đã thay đổi. Tác phẩm xuất bản cá nhân trên mạng cũng dần dần được thừa nhận; danh mục điện tử có vai trò như phiếu đọc lỗi trước đây. Vì thế, thư viện có thể không có tài liệu nguồn (không phải lưu trữ). Cơ sở dữ liệu thường xuyên được lưu trong thư viện dưới dạng tập hợp đĩa CD-ROM được xem là một trong những nguồn tài liệu điện tử. Với các cách bảo quản hiện đại, ngân hàng dữ liệu chia sẻ các tập hợp dữ liệu có thể cho phép người đọc truy cập thẳng đến ấn bản điện tử.

Mỗi ngành khoa học cho ta hiểu biết bản chất các sự vật hiện tượng vốn tồn tại trong thực tế khách quan dưới dạng những hệ thống có quan hệ chịu những tác động có quy luật nhất định. Do vậy trong ngôn ngữ nào cũng vậy, việc xây dựng thuật ngữ khoa học đều cố gắng muốn phản ánh *tính hệ thống* về ngữ nghĩa giữa chúng, vì đó là (hoặc phản ánh) tính hệ thống của sự vật, hiện tượng, đối tượng của khoa học. Do đó, người ta nói đến các hệ thuật ngữ.

Khi nói đến tính hệ thống của thuật ngữ, ta buộc phải lưu ý đến sự tương ứng giữa những hệ thống khái niệm khác nhau, dùng những hệ thống ký hiệu, thuật ngữ khác nhau. Sự tồn tại của những hệ thuật ngữ cho từng ngành khoa học, cho từng dòng nghiên cứu và cho từng tác giả là một hiện tượng khách quan. Phần nào nó đảm bảo cho văn bản khoa học thêm chính xác. Đặc biệt là hệ thuật ngữ cũng thể hiện cách nhìn độc đáo của ngành học, của dòng suy nghĩ riêng biệt.

Khi xây dựng hay chuyển dịch một văn bản khoa học từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác cần triệt để khai thác tính hệ thống về ngữ nghĩa của kiểu tạo từ. Do vậy, cách tạo thuật ngữ

là một việc làm hoàn toàn có ý thức: trong khi bảo đảm tính chính xác của các hình vị hợp thành, kiểu cấu tạo thuật ngữ phải phù hợp với vị trí, quan hệ các khái niệm mà chúng biểu thị trong tương quan với các khái niệm khác. Ví dụ, trong công tác phân loại có: *án định chỉ số phân loại, chọn số phân loại, thiết lập số phân loại, môn loại,...*

Ngôn ngữ học chỉ ra các dấu hiệu đặc thù sau đây của hệ thuật ngữ khoa học xã hội: 1) hiện tượng đồng nghĩa, hiện tượng đồng âm, hiện tượng đa nghĩa của các thuật ngữ; 2) có những yếu tố đánh giá trong chữ nghĩa và cấu trúc hình thức của các thuật ngữ; 3) có khá nhiều thuật ngữ tương chừng có căn cứ.

Trong khoa học, dù là trình bày luận điểm của bản thân hay phản ánh quan điểm của người khác, trước hết phải xác định cho tốt thuật ngữ định sử dụng. Nếu thấy cần thiết, tác giả hoặc dịch giả cần chỉ rõ ý nghĩa của từng thuật ngữ cần sử dụng và trong trường hợp có thể, cũng chỉ ra tương ứng giữa chúng với các thuật ngữ đã dùng (ở các tác giả khác hay trong nguyên ngữ) thuận tiện cho việc tra cứu khi cần.

Cũng chính do sự phát triển nên cho đến nay, tên gọi của ngành *thư viện học* (tiếng Pháp: *bibliothéconomie*; tiếng Anh: *library science*) cần được bổ sung nhưng nay vẫn còn chưa thống nhất là *khoa học thông tin - thư viện* hay theo thứ tự ngược lại⁴, hoặc là *Thông tin - thư viện học*, tức là *khoa*

⁴ Một trong những cuốn sách mới xuất bản gần đây có tựa đề: *Tra cứu thông tin trong hoạt động thư viện thông tin* / Trần Thị Bích Hằng, Cao Minh Kiểm: H., ĐHVH, 2004, 312tr.

học thư viện và thông tin, tương ứng với *library and information science* trong tiếng Anh và *science de la bibliothèque et de l'information* trong tiếng Pháp. Tuy có quan hệ mật thiết với nhau, *thông tin học* được hiểu là *khoa học về thông tin* (và thư viện), có khi được phân biệt với *tin học*, tương ứng với *informatics*, thuộc lý thuyết về thông tin, phục vụ thuần túy cho công nghệ thông tin,...

Tương tự như vậy, tuy nay giới chuyên môn có thể khai thác từ *Mạng Thông tin - Thư viện* Việt Nam, nhưng tên các cơ quan hay bộ phận trước đây quen gọi là *thư viện* thì nay, do được hiện đại hoá và nhất là đã vượt xa khuôn khổ hoạt động của một *thư viện truyền thống*, người ta ghép nó với *tư liệu* và/hoặc *thông tin* như: *Trung tâm Thông tin*, *Tư liệu Khoa học Công nghệ Quốc gia*, về sau vẫn tắt hơn thành *Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia* (trong đó có Thư viện Khoa học Kỹ thuật trước đây) Thậm chí chỉ gọi là *Trung tâm thông tin* như: *Trung tâm Thông tin* Thanh niên Việt Nam. Lại có trường hợp tuy gọi là *Viện Thông tin*...nhưng trong đó có *thư viện*, mà không phải nhà nghiên cứu nào cũng biết, chẳng hạn, trong *Viện Thông tin KHXH* có *Thư viện KHXH*.

Không hẳn do công việc khác nhau về cơ bản, ở Viện KHXH Việt Nam (theo *Danh bạ điện thoại*. Hà Nội, 4-2006), tên Phòng *Thư viện* được dùng ở phần lớn các Viện NC chuyên ngành/vùng, mà *Trưởng phòng* là người quản lý. Riêng ở Viện Kinh tế Việt Nam, người quản lý Phòng *Thư viện* được gọi là *Giám đốc*. Tên Phòng *Tư liệu - Thư viện* được dùng ở Viện Văn học và Viện Khảo cổ học là những đơn vị có truyền thống hơn nửa thế kỷ. Tên Phòng *Thông tin - Tư liệu - Thư viện* được dùng ở Viện Xã hội học, Viện

Tâm lý học và Tạp chí KHXH Việt Nam. Tên Phòng *Thông tin - Thư viện* được dùng ở Viện NC Châu Phi và Trung Đông là một trong những đơn vị mới được thành lập gần đây. Cf. Phòng *Thông tin - Thư viện* (Viện Hải dương học, Nha Trang)

Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ là Agence intergouvernementale de la Francophonie, nay là Organisation intergouvernementale de la Francophonie (OIF) có *Centre international francophone de Documentation et d'information* (Cifdi), Bộ Ngoại giao Pháp có *Centres de Ressources et Documents*, ở Nga có *Otdelenije Bibliotekovedeniia* có tên tiếng Anh là *Library Science Department* (thuộc *International Informatization`Academy*)

Thư viện đại học cũng không tránh khỏi ảnh hưởng này: nơi vẫn giữ tên *Thư viện* (Đại học Khoa học Tự nhiên TP Hồ Chí Minh), nơi đổi thành *Trung tâm Thông tin -Thư viện* (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học KHXH & NV, Đại học QG TP HCM); hai chữ *Thư viện* được hiểu có trong *Trung tâm Thông tin - Học liệu* = Learning and Information Resource Centers (Đà Nẵng) mà trước đây đây gọi là *Trung tâm Thông tin - Tư liệu*, có tên tiếng Pháp là *Centre de l'Information et de la Documentation*. Có nơi còn gọi hẳn thành *Trung tâm Học liệu* = Learning Resource Center (ĐH Thái Nguyên, Cần Thơ) ...

Các cơ sở đào tạo cũng « trăm hoa đua nở » khi tìm một tên gọi chính thức thích hợp: nơi thì gọi là *Khoa Thư viện - Thông tin*, nơi đặt theo thứ tự ngược lại: *Khoa Thư viện*, Trường Cao đẳng Văn hóa (TP HCM). *Khoa Thư viện Thông tin* Trường Cao đẳng Sư phạm, nay là Đại học Sài Gòn (TP

HCM). Khoa *Thư viện - Thông tin học*, ở các Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học KHXH & NV, Đại học QG TP HCM ... Trong khi đó, ta gặp *Library and Information Science College* (ở Mỹ, Thụy Điển, ...), *Division of Information Services* (ở Griffith University, Australia), *École de bibliothéconomie et des sciences de l'information* ((EBSI) :trong Université de Montréal, Canada), *École de bibliothéconomie et de sciences de l'information en Europe*, *École de bibliothéconomie, archivistique et documentation à l'Institut Supérieur de Documentation* (Université de Tunis),...

Trong lập luận khoa học cũng như truyền đạt thông tin khoa học cần thấy hết sự phức tạp và rắc rối có thể xảy ra nếu không xác định rõ hệ thuật ngữ sẽ sử dụng trong văn bản khoa học. Với những trường hợp còn nhiều ý kiến chưa phân thắng bại, để làm rõ cách nhìn của mình, người ta còn dẫn cả thuật ngữ tương đương trong tiếng nước ngoài hay trong nguyên bản để người đọc tiện tham khảo.

Bên cạnh vốn từ sẵn có trong mỗi ngôn ngữ (cho thấy sự giàu đẹp độc đáo của nó), các ngôn ngữ đều sử dụng hình thức vay mượn (điều này càng có xu hướng phát triển trong lĩnh vực thuật ngữ) vẫn đảm bảo tính chính xác, cũng lại đảm bảo tính hệ thống của thuật ngữ. Điều đáng lưu ý trong nhiều trường hợp thuật ngữ vay mượn có chiều hướng thắng thế các thuật ngữ đã tồn tại. Đó là xu hướng quốc tế hoá thuật ngữ khoa học trong tiến trình tiếp xúc, xâm nhập, làm giàu lẫn nhau giữa các ngôn ngữ về mặt từ vựng là quá trình hình thành vốn từ vựng chung có *tính quốc tế* cho tất cả các ngôn ngữ, phản ánh xu hướng xích gần nhau giữa các nền văn hoá và ngôn ngữ trong những điều kiện hội nhập quốc tế.

Việc ngày càng nhiều yếu tố quốc tế trong thành phần của các ngôn ngữ tạo điều kiện thuận lợi cho công việc truyền bá, phổ biến và trao đổi thông tin khoa học trên quy mô toàn thế giới.

Để có tính quốc tế, đơn vị từ vựng được dùng làm thuật ngữ phải mang hai trong bốn yếu tố trong đây.

1. Giống nhau về ý nghĩa,
2. Giống nhau về âm hưởng,
3. Giống nhau về chữ viết,
4. Giống nhau về cấu trúc,

Chẳng hạn, cũng do yêu cầu chính xác, một số thuật ngữ thông tin – thư viện mang hình thức từ vay mượn, ngoại lai như *catalô* (<= catalogue; cf: *mục lục*), *phích* (<= fiche; cf: *phiếu*), *mơ nu* (<= menu; cf: *thực đơn*), *vi rút* (virus), v.v...

Với quan niệm rằng khoa học là tài sản chung của loài người chứ không phải của bất cứ dân tộc nào hay của những đẳng cấp siêu nào thì quốc tế hoá thuật ngữ khoa học là một xu hướng tiến bộ cần được khích lệ thích đáng. Đồng thời cũng là sai lầm nếu ai đó chạy theo "mốt" này mà loại trừ tính độc đáo của ngôn ngữ dân tộc cũng được thể hiện ở các thuật ngữ. Do vậy khi xây dựng hệ thống thuật ngữ cho một ngành khoa học, bên cạnh các tiêu chuẩn; chính xác, hệ thống và quốc tế, người ta còn luôn nhấn mạnh phải lưu ý đến *tính dân tộc* và *tính đại chúng*. Bởi vì dù thuộc lĩnh vực chuyên ngành khoa học nào đi nữa thì thuật ngữ cũng vẫn là một bộ phận không thể tách khỏi ngôn ngữ toàn dân (ở đây là tiếng Việt).

Người làm công tác khoa học lại không thể để một phút nào quên mất bản sắc tinh hoa của ngôn ngữ dân tộc. Chú trọng đến tính dân tộc khi tạo lập

hệ thuật ngữ phải được hiểu là một nhiệm vụ không thể thiếu được trong công cuộc bảo vệ trong sáng của tiếng Việt), chống lại hiện tượng không lành mạnh, đó là lạm dụng xu hướng quốc tế hoá từ ngữ khoa học, nguy trang cho tệ sính dùng tiếng nước ngoài. Và tai hại hơn thế là cách đọc và viết lai căng, cách dùng sai thuật ngữ vay mượn từ nước ngoài trong lập luận, thuyết trình hay thông tin khoa học. Đề cao tính dân tộc là cùng là để nhằm phát triển ngôn ngữ khoa học dân tộc. Chuyển dịch thuật ngữ khoa học nước ngoài sao cho để nó có điều kiện thuận lợi trở thành một bộ phận hợp thành ngôn ngữ dân tộc là một yêu cầu cần được tính đến khi xây dựng hệ thuật ngữ cho từng ngành khoa học.

Khi tạo lập một thuật ngữ, người ta còn nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn *ngắn gọn* và *dễ dùng*. Lẽ đương nhiên là nếu về mặt hình thức, thuật ngữ khoa học ngắn gọn thì thật phù hợp với quy luật tiết kiệm trong ngôn ngữ. Song văn bản khoa học cũng không thể chấp nhận một thuật ngữ do ngắn gọn mà dẫn tới thiếu chính xác. Đánh rằng ngắn gọn thì dễ dùng đối với quảng đại quần chúng, bởi vì ai cũng biết rằng khác với biệt ngữ là từ ngữ đặc biệt dùng cho nhóm người, thuật ngữ vẫn là bộ phận của ngôn ngữ toàn dân. Khi khoa học có điều kiện đi sâu vào đời sống số lớn thành viên trong cộng đồng ngôn ngữ thì thuật ngữ khoa học phải dễ dùng (dễ nói, dễ viết, dễ hiểu, dễ nhớ) đối với quảng đại quần chúng là điều thực sự cần phải tính đến.

Hướng tới chuẩn hoá thuật ngữ khoa học và chính tả là công việc phải triển khai thường xuyên. Các nhà khoa học còn chưa thống nhất trong những trường hợp phải giải quyết thoả đáng mâu thuẫn giữa các tiêu chuẩn tạo lập thuật ngữ khi muốn ngắn gọn, dễ

dùng... thì lại vi phạm tính chính xác, việc đề cao tính quốc tế có khi phương hại đến tính dân tộc. Việc quy chuẩn từ ngữ khoa học cần phải có thời gian chứ không thể vội vàng hấp tấp vì những "sáng kiến" đưa ra phải được thử thách trong đời sống ngôn ngữ chấp nhận.

Ngành thông tin – thư viện cần tham khảo hệ thuật ngữ được sử dụng ở Liên đoàn Tư liệu Quốc tế (FID = Fédération internationale de documentation) và tổ chức quốc tế (mà tên gọi trong các ngôn ngữ khác nhau cũng thu hút được sự quan tâm của chúng ta), đó là IFLA, xuất phát từ tên đầy đủ bằng tiếng Anh là: International Federation of Library Associations and Institutions, tiếng Đức là Internationaler Verband der bibliothekarischen Vereine und Institutionen, tiếng Nga : Mezhdunarodnaja Federatsija Biblioteknykh Assotsiatsij i Uchrezhdenij, tiếng Pháp : Fédération Internationale des Associations de Bibliothécaires et des Bibliothèques, tiếng Tây Ban Nha : Federacin International de Asociaciones de Bibliotecarios y Bibliotecas... được dịch là *Liên hiệp hội Thư viện Quốc tế*, có người dịch là *Hiệp hội Thư viện Thế giới*.

Tuy nhiên cần lưu ý rằng ngày nay, quan niệm về chuẩn ngôn ngữ không còn cứng nhắc như trước. Nói về tính biến động của chuẩn ngôn ngữ, Claude Hagège viết: "Tất cả các ngôn ngữ trên thế giới, kể cả những ngôn ngữ mà bạn thấy ở trạng thái văn học nhất, cho ra đời những kiệt tác văn chương thì trên mình chúng lúc nào cũng mang đầy những "lỗi". Lỗi hôm

qua trở thành chuẩn hôm nay. Lỗi hôm nay sẽ là chuẩn ngày mai"⁵.

3. Thay cho kết luận

Sự phát triển nhanh mạnh các ngành khoa học đã tạo ra nhiều ngôn ngữ riêng biệt: người ta nói đến ngôn ngữ toán học, ngôn ngữ y học, ngôn ngữ thông tin... bên cạnh ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết. Các "ngôn ngữ" này được hiểu là cùng tồn tại trong một ngôn ngữ cụ thể, ở ta là tiếng Việt. Thống nhất hệ thuật ngữ của từng ngành khoa học cũng là một yêu cầu bức bách đối với việc hướng tới chuẩn hoá ngôn ngữ toàn dân. Tình trạng sử dụng thuật ngữ tùy tiện, thiếu tính hệ thống, thiếu thống nhất khi có thể thống nhất, chắc chắn phương hại đến tính chính xác của văn bản khoa học. Xây dựng từ điển giải thích thuật ngữ khoa học tiếng Việt cho ngành thông tin - thư viện được đặt ra nhằm đáp ứng một trong những nhu cầu của thực tiễn đời sống ngôn ngữ.

Xây dựng và chuẩn hoá thuật ngữ khoa học được chú ý ở nước ta từ những năm 60 của thế kỷ trước, cùng với sự ra đời của Tổ thuật ngữ ở Ủy ban Khoa học Nhà nước, mà sau này được chia thành *Tổ Thuật ngữ và Từ điển Khoa học* thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Đến 1968, Tổ này nhập với Tổ Ngôn ngữ, hợp thành Viện Ngôn ngữ học. Mảng nghiên cứu này đã rộ lên – và trong giai đoạn này, cuốn *Từ điển thuật ngữ thư viện học Nga – Anh – Pháp - Việt*, là công trình tập thể của những người làm công tác thư viện ở

miền Bắc khi đó khởi thảo, được Viện Ngôn ngữ học giúp đỡ biên soạn và chỉnh lý (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1972, 394 tr.). « Từ điển bao gồm các thuật ngữ của thư viện học, thư mục học và một số thuật ngữ của các ngành liên quan như xuất bản, in, phát hành, thông tin khoa học, v. v... thường gặp trong công tác thư viện, thư mục ». Phần chính là bảng đối chiếu Nga - Việt. Sau đó là các bảng tra Anh - Việt và Pháp - Việt (đối chiếu qua tiếng Nga). Cuối cùng là bảng tra đối chiếu ngược Việt – Nga, Anh, Pháp.

Rồi cho đến những năm 90 thì công việc nghiên cứu xuống dần, để lại khoảng trống Thuật ngữ học. Tuy vậy, cũng nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, công việc biên soạn và biên dịch các tập thuật ngữ chuyên ngành lại không hề dừng. Thay cho việc có chỉ đạo khoa học và hướng dẫn tập trung tại một nơi như giai đoạn trước, những năm gần đây, ta thấy các nhà chuyên môn thường tập hợp nhau lại, cùng biên soạn để cho ra các tập thuật ngữ, thống nhất cách giải thích và/hoặc đối chiếu phục vụ cho chính ngành mình.

Nhận thấy hoạt động nghiên cứu lý luận và thực tiễn thư viện học, tư liệu và thông tin học ở trên thế giới cũng như ở nước ta đã không ngừng phát triển mà kết quả là một số thuật ngữ mới đã xuất hiện và bước đầu được chuẩn hoá, được sự hỗ trợ của Ngân hàng dữ liệu Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp (BIEF), một cuốn *Từ điển tư liệu và thư viện học Pháp-Việt* đã được Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia chủ trì biên soạn và xuất bản năm 1997 (141 tr.). « Từ điển này bao gồm các thuật ngữ được chọn lọc từ các lĩnh vực thư viện, thông tin kỹ thuật học và một số ngành liên quan như tin học, lưu trữ, xuất bản, phát hành và ấn loát » và

⁵ Le plurilinguisme, éthique de l'avenir".
Assises de l'enseignement du
français et en français. AUF, 1998,
tr. 58.

cũng « thu thập một số cụm từ tuy không phải là thuật ngữ nhưng thường gặp trong báo chí và tài liệu nghiệp vụ », cho phép tra tìm cách chuyên các thuật ngữ tiếng Pháp (như *disque souple* và *disquette*, *rayonnage en métal* và *rayonnage métallique* đều là những mục từ riêng) sang tiếng Việt (lần lượt chỉ là *đĩa mềm*, *giá kệ kim loại*), không có phần tra ngược lại.

Như thế, cả hai cuốn trên đều mới chỉ đối chiếu các thuật ngữ tương ứng. Cho đến nay, *chưa hề có một cuốn từ điển thuật ngữ giải thích nào cho ngành thông tin - thư viện* được biên soạn với bảng từ xuất phát là tiếng Việt. Tuy nhiên, phải kể một đóng góp rất đáng trân trọng: đó là thông qua hoạt động của Hội Hỗ trợ Thư viện và Giáo dục Việt Nam (LEAF-VN), một số cán bộ thư viện người Việt Nam nay định cư ở nước ngoài (Mỹ và Canada) đã biên dịch và xuất bản trong khuôn khổ bảo trợ của Hiệp hội thư viện Mỹ cuốn *Từ điển giải nghĩa thư viện học và tin học Anh-Việt: Glossary of Library and Information Science* (Người dịch: Phạm Thị Lệ Hương, Lâm Vĩnh Thế, Nguyễn Thị Nga.- In lần thứ nhất. Arizona: Nxb Galen Press, Ltd. 1996. 279 tr.) Và sau đó, các dịch giả tiếp tục

cập nhật và thông báo cho đồng nghiệp trong nước.

Công nghệ thông tin phát triển cũng đã tạo điều kiện cho hệ thuật ngữ tiếng Việt trong lĩnh vực thông tin - thư viện không ngừng giàu lên, đáp ứng yêu cầu về ngôn ngữ trong thời kỳ đổi mới. Cập nhật những tri thức mới của ngành thông tin - thư viện thông qua việc hệ thống hoá và xác định nghĩa của các thuật ngữ khoa học hiện đang được sử dụng trong lĩnh vực này vừa có giá trị khoa học, vừa mang tính thời sự rất rõ rệt. Đó là chưa kể lĩnh vực này còn liên quan mật thiết đến nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội và các ngành khoa học khác.

Trong tình hình ấy, việc tổ chức biên soạn và xuất bản một công trình từ điển thuật ngữ *giải thích và/hoặc đối chiếu* với các ngôn ngữ phổ biến trên thế giới, với *bảng từ xuất phát là tiếng Việt*, hẳn là cấp thiết, để đi tới thống nhất cách hiểu và cách dùng thuật ngữ trong ngành thông tin - thư viện, góp phần hoàn thiện ngôn ngữ khoa học tiếng Việt.

Hà Nội, Tháng 7 - 2007

The Story of Innovation

- Where does a wise man hide a leaf?
- In the forest.
- But what does he do if there is no forest?
- "He grows a forest to hide it in".

G. K. CHESTERTON